

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **374/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 23-09-2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hải
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1812/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2022/QĐXX-ST ngày 19/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 409/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Chung Thanh P**, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy Tr**, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: tổ X, khu phố Y, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc nguyên đơn anh Chung Thanh P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thùy Tr chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2020 ngày 28/02/2020. Sau khi kết hôn được một thời gian thì cuối năm 2020 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Gia đình hai bên có tác động hàn gắn, anh và chị Tr cũng đã nhiều lần cùng ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay chị Tr và anh mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Do vậy, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Anh xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho anh ly hôn với chị Tr để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Anh và chị Tr không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị Tr không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr: chị Tr đã được Tòa án xác minh địa chỉ cư trú và được Công an phường B cung cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú của chị Nguyễn Thị Thùy Tr ngày 26/7/2022. Nội dung của Giấy xác nhận thông tin về cư trú thể hiện: chị Nguyễn Thị Thùy Tr có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; có nơi cư trú hiện tại ở địa chỉ: tổ X, khu phố Y, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và hiện nay chị Tr vẫn đang cư trú tại địa phương. Theo đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Tr theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị Tr vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Chung Thanh P đối với chị Nguyễn Thị Thùy Tr: về quan hệ hôn nhân cho anh P được ly hôn với chị Tr; về con chung: anh P khai không có con chung nên không xem xét; về tài sản chung: anh P khai không có, chị Tr vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu; về nợ chung: do anh P khai không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp

Anh Chung Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy Tr. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh P là nguyên đơn, chị Tr là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr có địa chỉ thường trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hiện đang cư trú tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn anh Chung Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Tr theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, chị Tr theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung tranh chấp

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chung Thanh P và chị Nguyễn Thị Thùy Tr chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2020 ngày 28/02/2020. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của anh P và chị Tr là hợp pháp.

Xét thấy, anh P xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc, anh và chị Tr mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, không nói chuyện với nhau được. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải những mâu thuẫn để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành.

Đối với chị Tr, theo kết quả cung cấp của Công an phường Bửu Long ngày 26/7/2022 xác định chị Nguyễn Thị Thùy Tr có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; có nơi cư trú hiện tại ở địa chỉ: tổ X, khu phố Y, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và hiện nay chị Tr vẫn đang cư trú tại địa phương, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Tr vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy chị Tr có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của hai người, không có ý định hòa giải, đoàn tụ. Mặc dù biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 01/7/2022, Ủy ban nhân dân phường B, nơi anh P và chị Tr sinh sống xác định: *“Tình trạng hôn nhân giữa ông Chung Thanh P và bà Nguyễn Thị Thùy Tr tại khu phố Y, phường B, thành phố B cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì ông P và bà Tr không yêu cầu địa phương hòa giải cơ sở nên địa phương không nắm bắt được tình trạng mâu thuẫn cụ thể giữa ông P và bà Tr”*.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh P và chị Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của anh P là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Anh Chung Thanh P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Anh Chung Thanh P khai không có, không yêu cầu giải quyết, chị Tr vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Chị Tr, anh P có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Anh Chung Thanh P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Chung Thanh P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chung Thanh P đối với chị Nguyễn Thị Thùy Tr về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Chung Thanh P được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy Tr.

- Về con chung: Anh Chung Thanh P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết .

- Về tài sản chung: Anh Chung Thanh P khai không có, không yêu cầu giải quyết, chị Tr vắng mặt không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Chị Tr, anh P có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Anh Chung Thanh P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Anh Chung Thanh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003311 ngày 17 tháng 6

năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; anh P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

